

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20-9-2021

V/v ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Phạm Văn Thọ

Ông Hoàng Hào

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Kim Phụng-Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:***

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T; sinh năm 1993; trú tại: Xóm H, đội 7, xã B, huyện G, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H ; sinh năm 1990; đăng ký hộ khẩu: Xóm H, đội 7, xã B, huyện G, tỉnh N. Hiện cư trú tại N.

Tại phiên tòa có mặt chị Trang; vắng mặt anh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Văn H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh N. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì anh H tiếp tục đi làm việc tại N Đầu năm 2016, anh H về quê ăn tết và thăm con

được hơn 01 tháng rồi sang nước N làm ăn đến nay chưa về V . Do vợ chồng không liên lạc với nhau nên chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi ở, nơi làm việc của anh H ở N Chị chỉ biết anh H thường xuyên liên lạc về với bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn H , sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị M , sinh năm 1960; địa chỉ tại: Xóm H, đội 7, xã B, huyện G, tỉnh N. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Phạm Thúy V , sinh ngày 12-11-2015, hiện nay cháu V đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày như nêu trên.

\* Đối với bị đơn anh Phạm Văn H : Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa cho anh H thông qua ông Phạm Văn H (là bố đẻ của anh H ) và yêu cầu ông H thông báo cho anh H trình bày quan điểm bằng văn bản về việc chị T xin ly hôn và cung cấp địa chỉ tại N gửi về cho Tòa án, nhưng anh H không có văn bản trình bày quan điểm về việc chị T xin ly hôn và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

\* Ông Phạm Văn H là bố đẻ của anh Phạm Văn H trình bày: Anh Phạm Văn H là con đẻ của ông, anh H đi du học ở N từ khoảng năm 2014-2015 và hiện nay anh H vẫn đang ở Nhật Bản, nhưng ông không biết được địa chỉ cụ thể, nơi ở, nơi làm việc của anh H. Ông liên lạc với anh H thông qua con gái của ông là Phạm Thị M ; sinh năm 1998; địa chỉ: Xã G, huyện G, tỉnh N(là em gái anh H ).

Khi anh H đi N đã kết hôn với chị Hoàng Thị T vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G và anh chị có 01 con chung là Phạm Thúy V , sinh năm 2015 hiện cháu V đang ở với chị T.

Ông đã nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và ông đã thông báo bằng điện thoại cho anh H về việc chị T xin ly hôn và ông cũng thông báo cho anh H có lời trình bày về việc chị T xin ly hôn gửi về cho Tòa án tỉnh Nam Định, nhưng anh H có trả lời qua điện thoại là hiện tại bên N đang dịch Covid-19, nên anh H không thể về V giải quyết việc ly hôn được, việc chị T xin ly hôn là tùy chị Trang, anh không có ý kiến gì. Về con chung, anh H có nói hiện tại cháu V

đang ở với chị T thì cứ để chị T nuôi dưỡng, khi nào về V , anh H sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu V sau.

Ủy ban nhân dân xã B, huyện G cung cấp: Chị Hoàng Thị T kết hôn với anh Phạm Văn H vào năm 2014. Sau khi kết hôn được ba tháng anh H đi sang nước N từ đó đến nay chưa về V . Anh H và chị T có một con chung là Phạm Thúy V , sinh năm 2015, hiện cháu V đang ở với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị T đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; do chị T không cung cấp được địa chỉ của bị đơn là anh H tại nước N, thông qua thân nhân xác định anh H vẫn liên lạc với gia đình tại V nhưng gia đình anh H không cung cấp được địa chỉ của anh H tại N cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản văn bản tố tụng thông qua thân nhân của anh H và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử lý hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn H. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trang, giao con chung là Phạm Thúy V, sinh ngày 12-11-2015 cho chị T nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị T xin ly hôn anh Phạm Văn H hiện đang cư trú tại nước N nhưng chị T không cung cấp được địa chỉ của anh H. Thông qua thân nhân là ông Phạm Văn H (bố đẻ anh H ) xác định anh H vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại, nhưng ông H không cung cấp địa chỉ của anh H tại nước N Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, thông qua ông H là bố đẻ của anh H và yêu cầu ông H thông báo cho anh H viết quan điểm về việc chị T xin ly hôn gửi về cho Tòa án, nhưng anh H không hợp tác. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do vậy, Tòa án tiếp tục tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh H thông qua ông H là bố đẻ bao gồm: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa để ông H thông báo cho anh H. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ hai vào ngày 20 tháng 9 năm 2021 anh H

đều vắng mặt tại phiên tòa và không có bất văn bản gì gửi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G vào ngày 02 tháng 12 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian, thì anh H sang N và đến nay chưa về V. Do xa cách, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, không liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H không còn và không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho ly hôn giữa chị T và anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Thúy V, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2015. Hiện nay, cháu V đang ở với chị T. Vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn H.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thúy V, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Anh H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ

thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003910 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã B, huyện G;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(*đã ký*)

**Vũ Thị Thu**